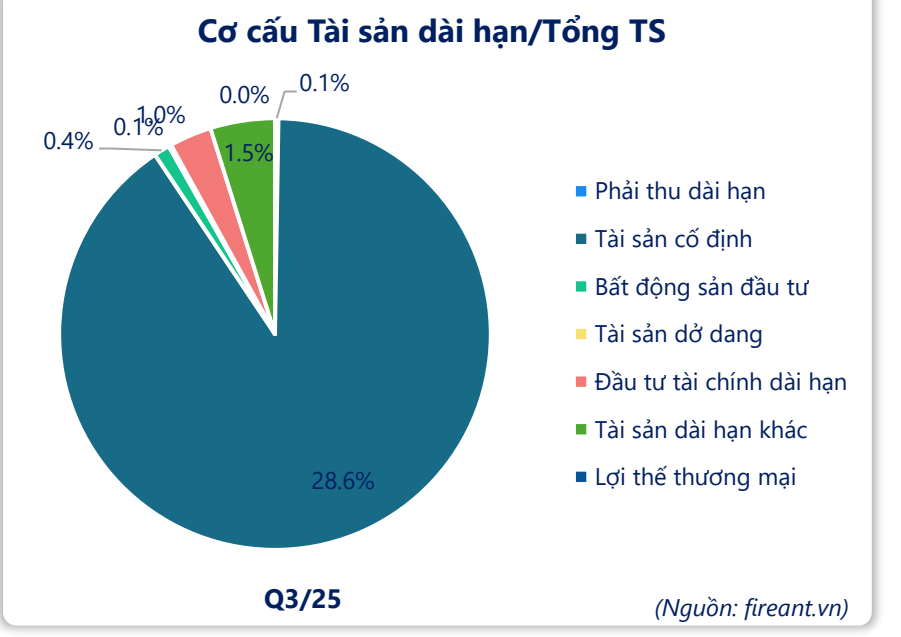
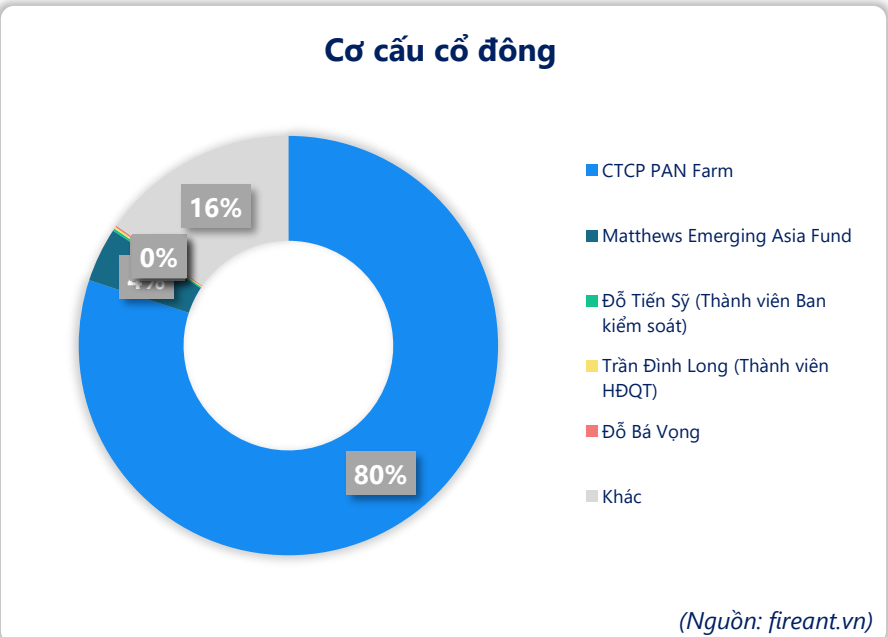
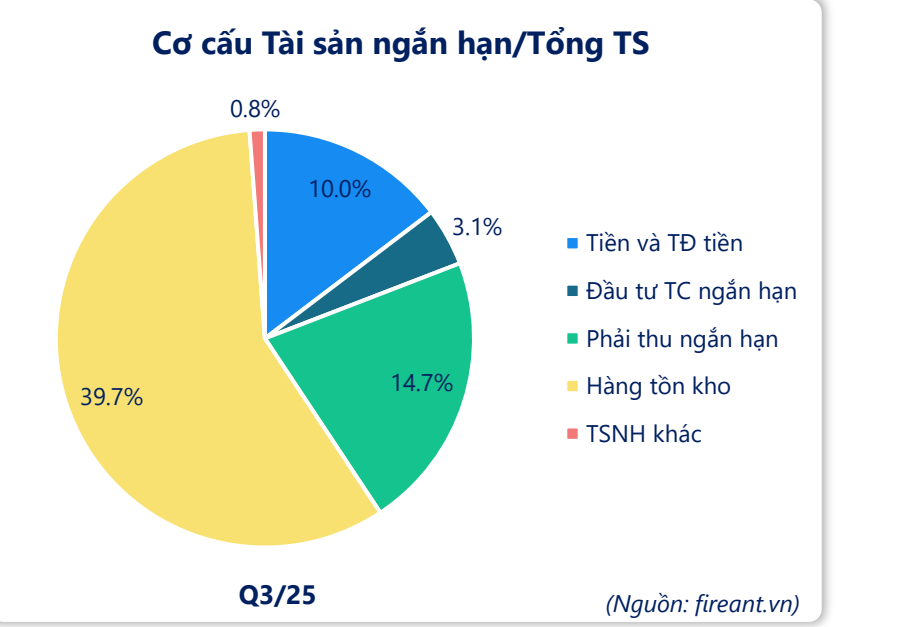
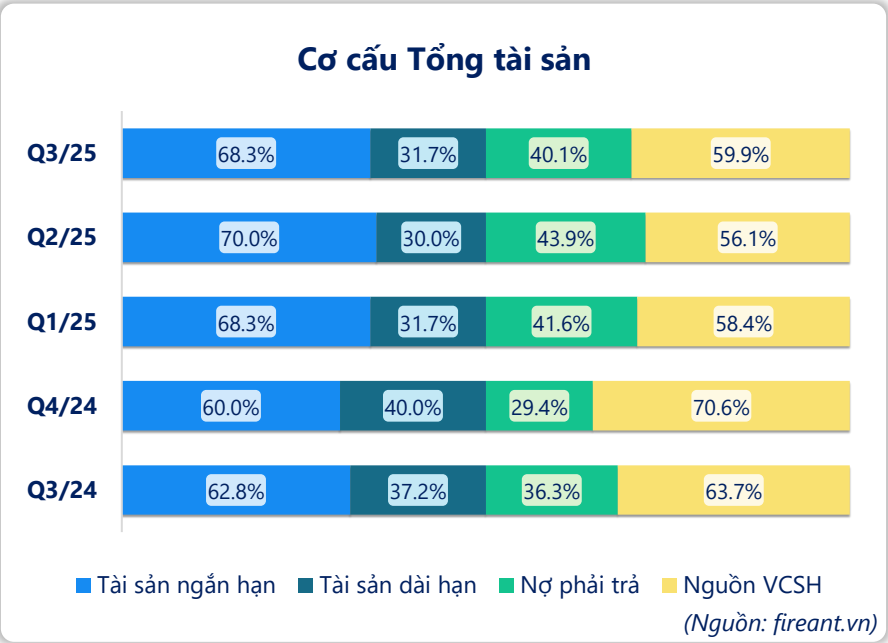
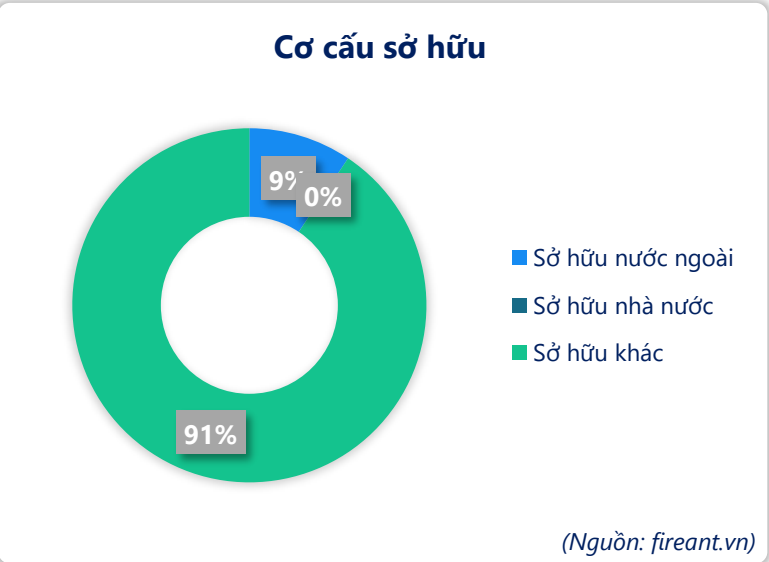
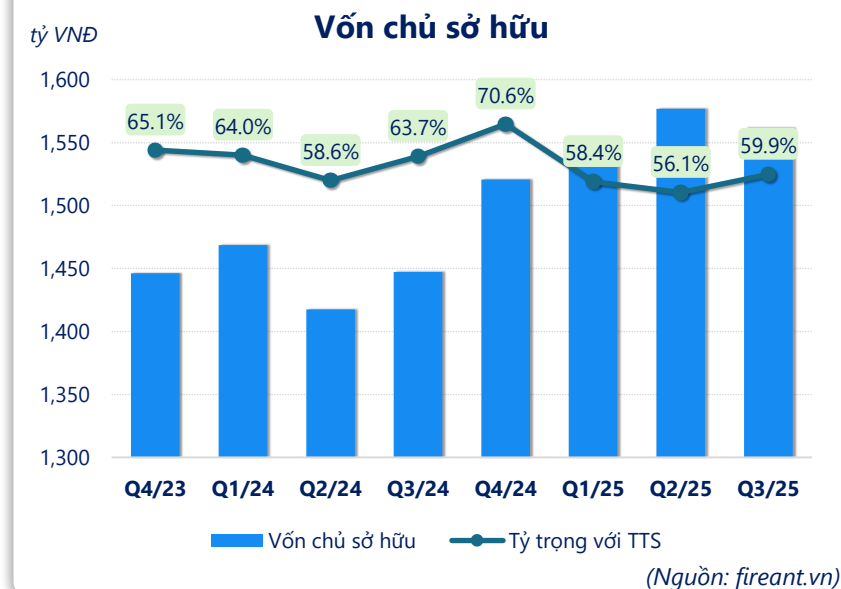
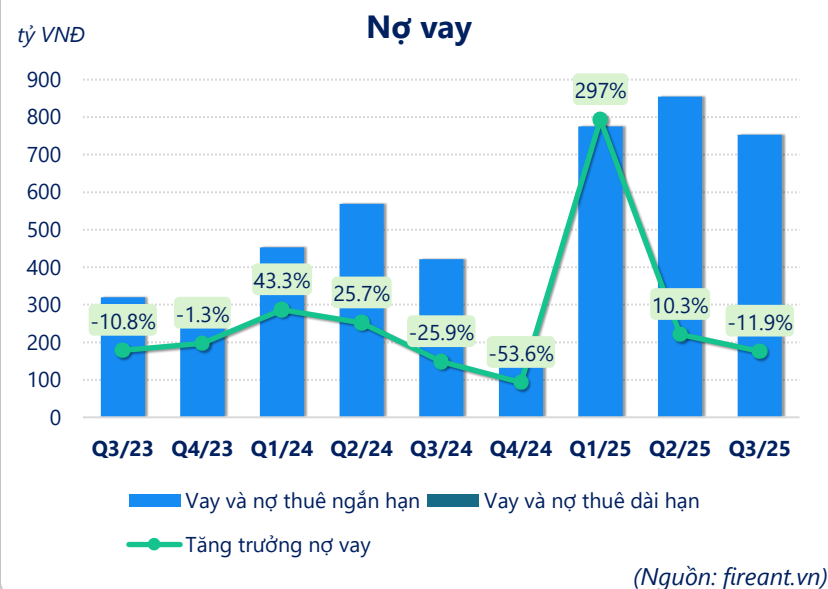
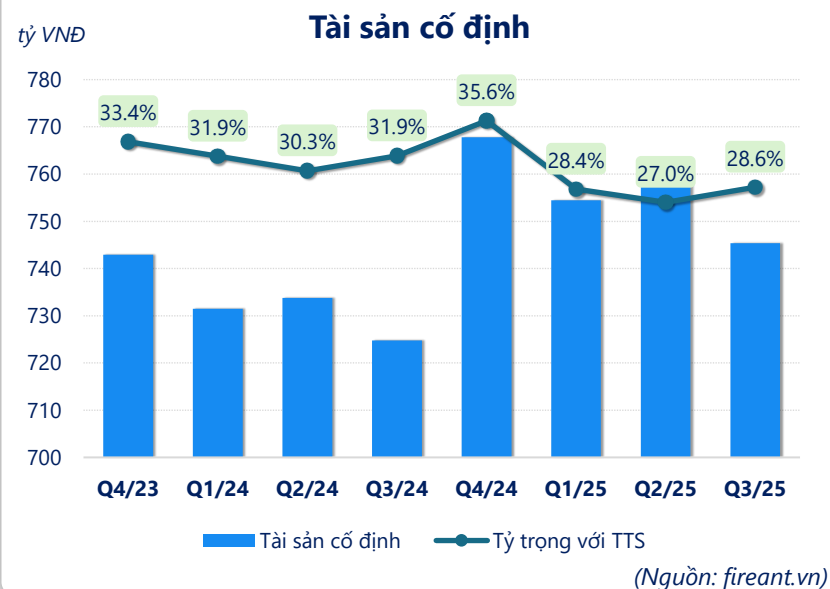
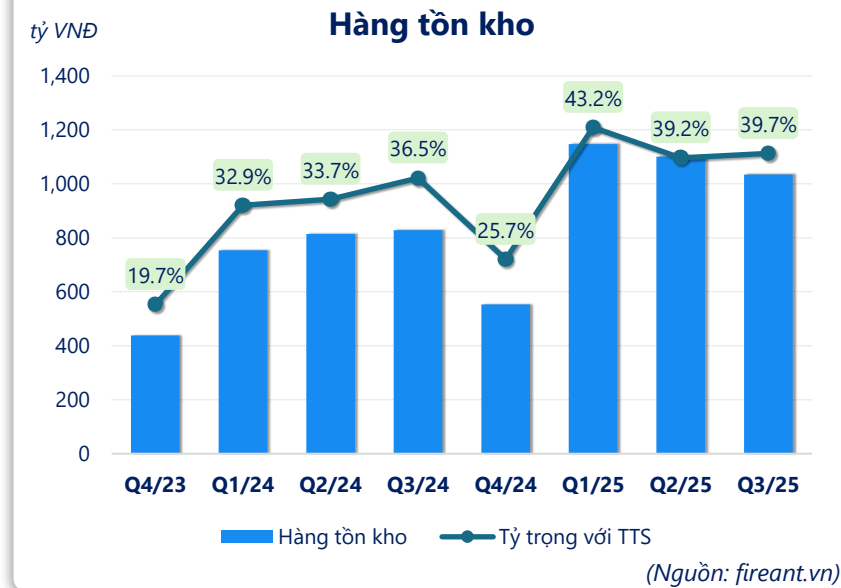
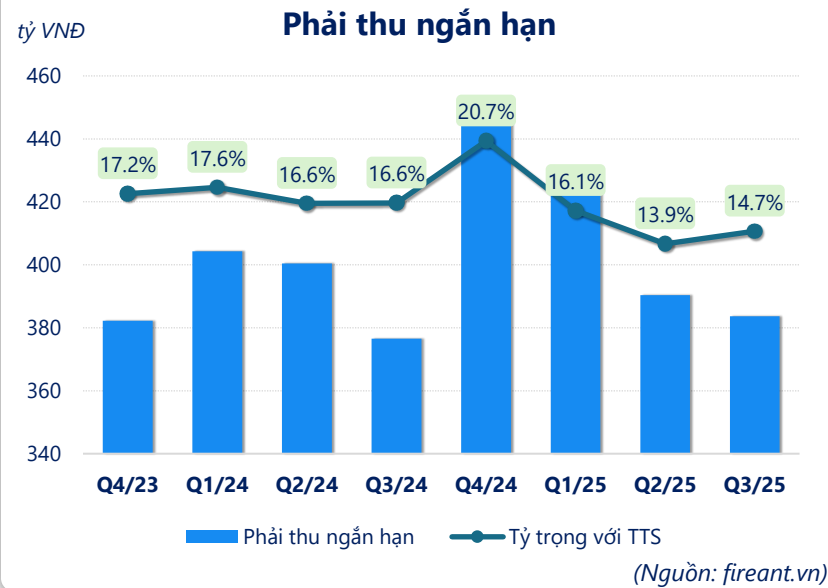
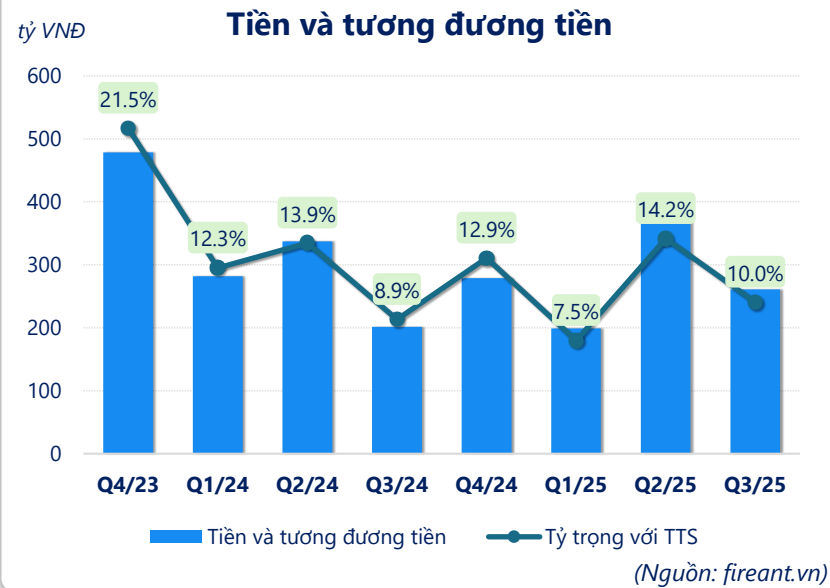
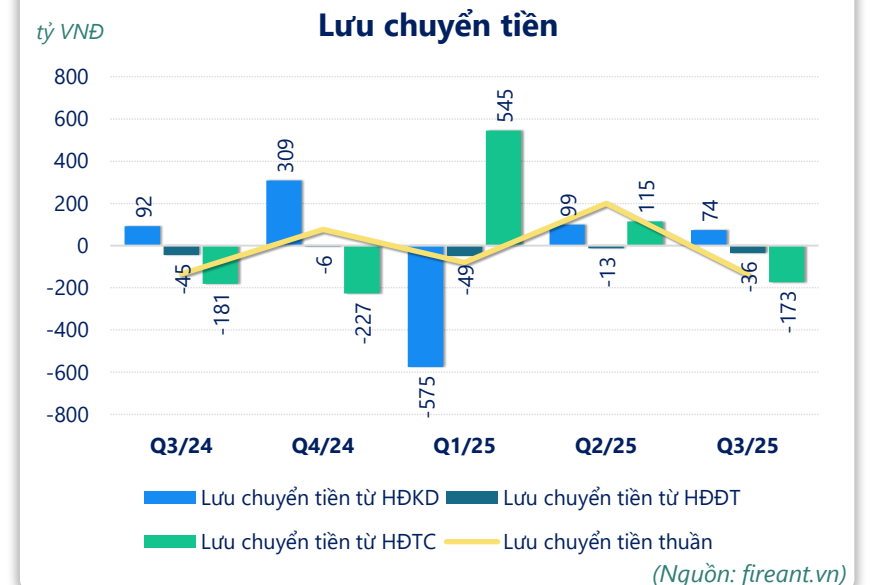
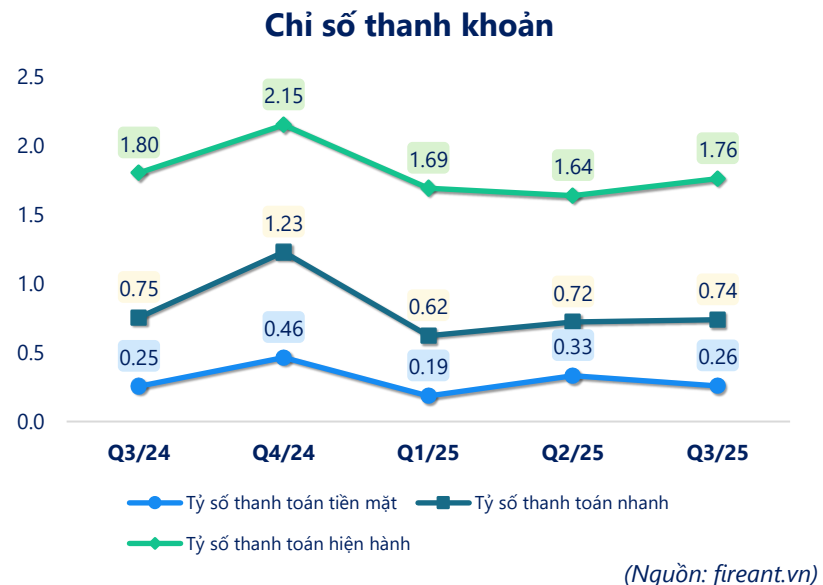
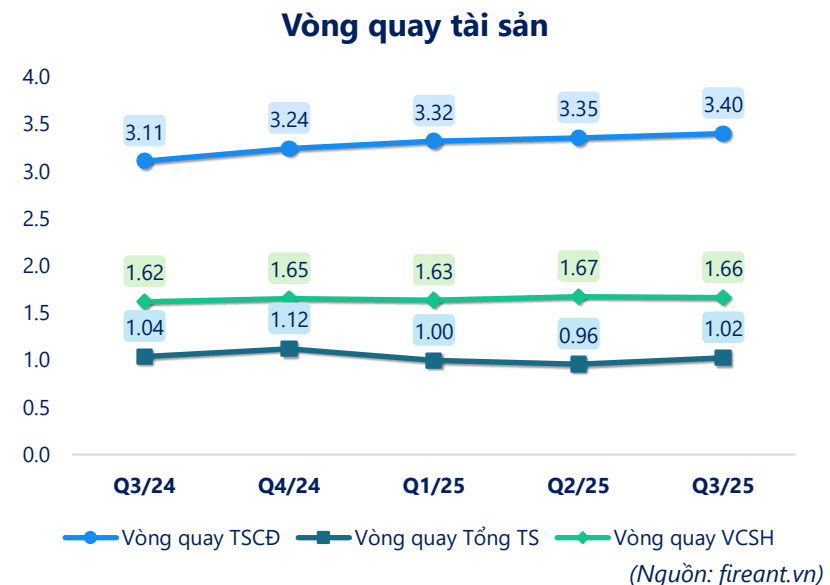
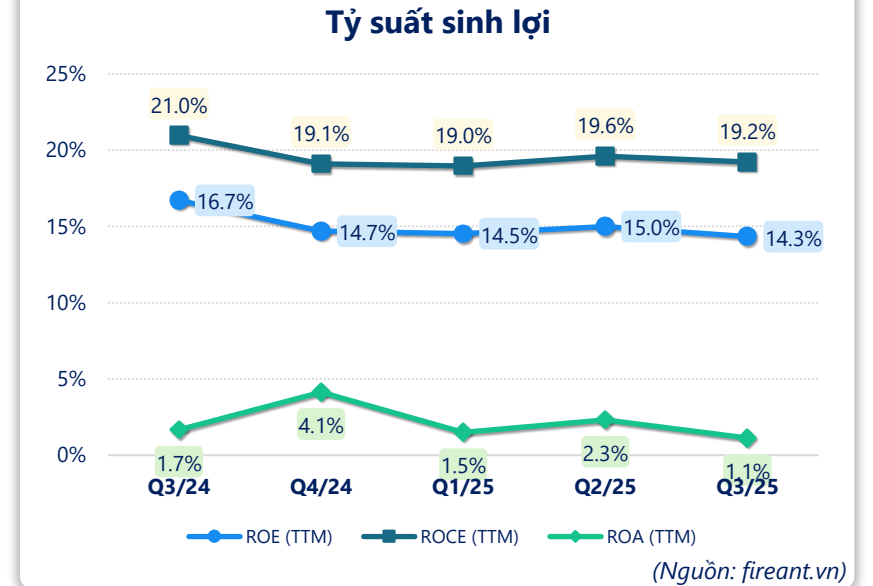
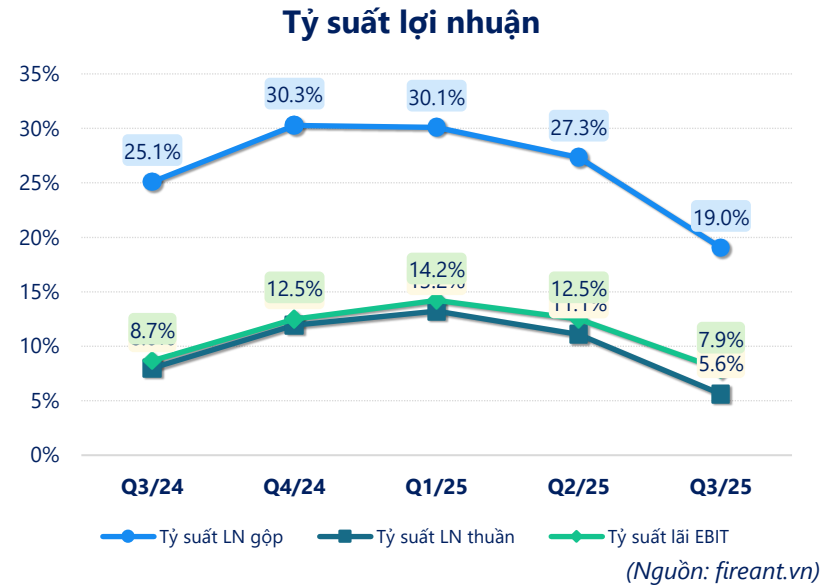
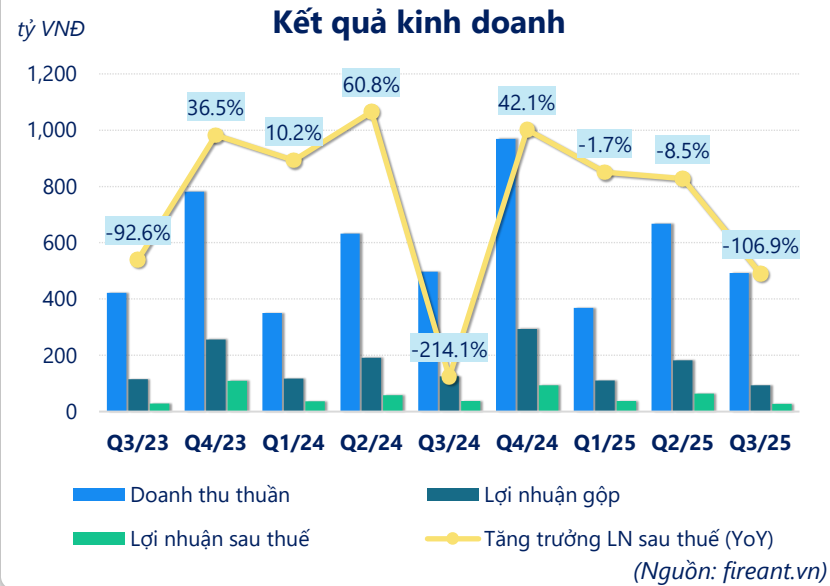


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		80,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		87,760
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		73,968
SL cổ phiếu LH		17,574,516
KLGD BQ 20 phiên (CP)		1,105
% sở hữu nước ngoài		9.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,406
P/E		6.5
EPS		12,270

	YTD	1T	3T	6T
NSC	5.4%	0.6%	-3.0%	-1.3%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	2,605	2,155	20.9%
Tài sản ngắn hạn	1,780	1,291	38.0%
Tiền và tương đương tiền	261	279	-6.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	79.7	2.03	3831%
Phải thu ngắn hạn	384	444	-13.7%
Hàng tồn kho	1,035	554	86.9%
Tài sản ngắn hạn khác	21.0	11.8	77.7%
Tài sản dài hạn	825	864	-4.6%
Phải thu dài hạn	2.11	0.82	156%
Tài sản cố định	745	768	-2.9%
Bất động sản đầu tư	9.87	10.8	-8.9%
Tài sản dở dang	1.63	10.6	-84.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	26.1	26.1	0.0%
Tài sản dài hạn khác	39.9	42.4	-6.0%
Lợi thế thương mại	0	5.81	-100%
Nợ phải trả	1,044	634	64.6%
Nợ ngắn hạn	1,011	602	68.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	753	195	285%
Phải trả người bán ngắn hạn	39.1	121	-67.8%
Nợ dài hạn	32.6	32.6	-0.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,561	1,521	2.7%
Vốn chủ sở hữu	1,561	1,521	2.7%
Vốn điều lệ	176	176	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	497	969	368	668	493
Giá vốn hàng bán	373	676	257	486	399
Lợi nhuận gộp	125	293	111	183	93.8
Doanh thu HĐTC	2.58	3.86	3.83	7.84	7.75
Chi phí TC	8.09	13.5	5.05	15.7	9.68
Chi phí lãi vay	4.65	4.14	4.15	9.42	8.89
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	41.4	94.2	31.6	63.2	34.8
Chi phí QLDN	38.1	73.7	29.3	37.3	29.4
LN thuần từ HĐKD	39.7	116	48.7	74.1	27.7
Lợi nhuận khác	-1.22	1.14	-0.52	-0.09	2.20
LN trước thuế	38.5	117	48.2	74.0	29.9
Lợi nhuận sau thuế	37.4	93.5	37.6	63.5	27.5
LNST của CĐ cty mẹ	36.4	90.4	37.0	60.7	27.5

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	91.8	309	-575	98.6	73.6
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-45.1	-5.95	-48.8	-13.0	-36.4
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-181	-227	545	115	-173
Tiền đầu kỳ	337	202	279	199	400
Lưu chuyển tiền thuần	-134	76.1	-79.7	200	-136
Ảnh hưởng tỷ giá	-1.24	0.96	-0.02	0.97	-3.03
Tiền cuối kỳ	202	279	199	400	261

(Nguồn: fireant.vn)